

ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC ĐẠI HỌC TRONG KỶ NGUYÊN TRÍ TUỆ NHÂN TẠO: TỪ TRUYỀN THỤ KIẾN THỨC SANG KIẾN TẠO NĂNG LỰC

Trần Thị Thúy Hồng^{1,*}, Nguyễn Xuân Thiện¹

TÓM TẮT

Bài báo nghiên cứu sự chuyển dịch tất yếu trong phương pháp dạy học đại học trước sự bùng nổ của Trí tuệ nhân tạo (AI). Trong kỷ nguyên số, mô hình giáo dục truyền thống tập trung vào việc truyền thụ kiến thức đơn thuần đã không còn đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động biến đổi nhanh chóng. Tác giả phân tích các tác động sâu rộng của AI đối với vai trò của giảng viên và sinh viên, từ đó đề xuất lộ trình đổi mới sang mô hình kiến tạo năng lực. Nghiên cứu nhấn mạnh việc ứng dụng các phương pháp dạy học hiện đại như học tập qua dự án (PBL), học tập trải nghiệm và cá nhân hóa lộ trình đào tạo với sự hỗ trợ của các công cụ AI. Kết quả nghiên cứu khẳng định: Mục tiêu cốt lõi của giáo dục đại học hiện nay không chỉ là cung cấp thông tin mà là hình thành cho người học tư duy phân biện, kỹ năng giải quyết vấn đề phức tạp và khả năng học tập suốt đời để thích nghi với môi trường làm việc có sự cộng tác giữa người và máy.

Từ khóa: Đổi mới phương pháp dạy học, giáo dục đại học, trí tuệ nhân tạo (AI), kiến tạo năng lực

Ngày nhận bài: 10/01/2026; **Ngày phản biện:** 20/02/2026; **Ngày duyệt đăng:** 15/03/2026

ABSTRACT

This paper examines the inevitable shift in higher education teaching methodologies amidst the rapid explosion of Artificial Intelligence (AI). In the digital era, traditional educational models focusing solely on knowledge transmission no longer meet the demands of a fast-evolving labor market. The author analyzes the profound impacts of AI on the roles of both lecturers and students, thereby proposing a roadmap for transitioning toward a competency-based construction model. The study emphasizes the application of modern pedagogical approaches, such as Project-Based Learning (PBL), experiential learning, and personalized learning pathways supported by AI tools. The research findings confirm that the core objective of contemporary higher education is not merely providing information, but rather fostering critical thinking, complex problem-solving skills, and lifelong learning capabilities to adapt to a collaborative human-machine work environment.

Keywords: Pedagogical innovation, higher education, artificial intelligence (AI), competency-based construction

***Email:** thuyhongquangbinh@gmail.com

1. Mở đầu

Sự chuyển dịch mạnh mẽ của nền kinh tế tri thức cùng làn sóng Cách mạng Công nghiệp 4.0 đã đẩy giáo dục đại học vào một cuộc đại tu mang tính lịch sử. Đến năm 2026, trí tuệ nhân tạo (AI) không còn dừng lại ở vai trò một công cụ hỗ trợ rời rạc mà đã thâm thấu sâu, trở thành "hệ điều hành" của một hệ sinh thái học tập toàn diện và cá nhân hóa. Trong bối cảnh đó, khi máy móc có khả năng cung cấp và xử lý dữ liệu vượt xa con người, vai trò của người thầy buộc phải được định nghĩa lại một cách căn bản: từ một "kho chứa tri thức" chuyển sang người điều phối trải nghiệm và cố vấn tư duy. Thay vì chỉ truyền thụ những kiến thức có sẵn vốn dễ dàng lỗi thời, người thầy hiện đại tập trung vào việc khơi gợi năng lực sáng tạo, rèn luyện tư duy phân biện và định

hướng đạo đức cho người học. Giáo dục đại học năm 2026, vì thế, không còn là cuộc đua về lưu trữ thông tin, mà là hành trình nhân văn hóa công nghệ, nơi người thầy đóng vai trò là nhịp cầu kết nối giữa trí tuệ nhân tạo và giá trị thực tiễn của con người.

Việc duy trì phương pháp "đọc - chép" hay thuyết giảng một chiều trong bối cảnh hiện nay không chỉ là sự lạc hậu về sự phạm mà còn là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến sự "lệch pha" trầm trọng giữa sản phẩm đào tạo và thực tiễn khách quan. Khi người học bị đặt vào thế thụ động (Passive Learning), họ chỉ tập trung vào việc lưu trữ thông tin ngắn hạn thay vì rèn luyện tư duy phân tích, giải quyết vấn đề và khả năng thích nghi — những kỹ năng cốt lõi mà thị trường lao động hiện đại đang khao khát. Sự thụ động này triệt tiêu tính sáng tạo và

¹Trung tâm GDQP&AN, Đại học Huế

khả năng phân biệt, khiến sinh viên tốt nghiệp sở hữu một lượng kiến thức lý thuyết đồ sộ nhưng lại lúng túng khi đối mặt với các tình huống biến đổi thực tế. Hệ quả tất yếu là một "khoảng cách năng lực" bị nới rộng: trong khi doanh nghiệp cần những nhân sự có khả năng vận hành, kết nối và đổi mới, thì giáo dục truyền thống lại cung cấp những "cỗ máy ghi chép" thiếu tính ứng dụng, gây lãng phí nguồn lực xã hội và làm giảm sức cạnh tranh của nguồn nhân lực quốc gia.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn

2.1.1. Các thuyết học tập hiện đại

Việc kết hợp giữa Thuyết kiến tạo (Constructivism) và Thuyết kết nối (Connectivism) đã tạo nên một nền tảng tư duy giáo dục hiện đại, nơi quá trình học tập không còn là sự tiếp nhận thụ động mà là một hành trình chủ động và mở rộng. Theo Thuyết kiến tạo, kiến thức không phải là "vật thể" được truyền đi mà là kết quả của việc người học tự xây dựng thông qua trải nghiệm thực tiễn và sự tương tác với môi trường xung quanh; ở đó, những hiểu biết mới được bồi đắp dựa trên nền tảng kinh nghiệm cá nhân đã có từ trước. Tuy nhiên, trong kỷ nguyên số, Thuyết kết nối đã mở rộng biên độ này khi định nghĩa học tập là khả năng thiết lập và duy trì các mối liên kết giữa những "nút" thông tin đa dạng trong một mạng lưới tri thức khổng lồ. Sự giao thoa này giúp người học không chỉ "hiểu" sâu sắc về nội dung (kiến tạo) mà còn biết cách "tìm" và "lọc" thông tin hiệu quả giữa biển dữ liệu số (kết nối). Nhờ đó, giáo dục hiện đại biến người học thành những thực thể linh hoạt, có khả năng tự định vị và phát triển năng lực cá nhân trong một thế giới đầy biến động và kết nối không giới hạn.

2.1.2. Thang đo tư duy Bloom cải biên

Trong bối cảnh giáo dục hiện đại đang đứng trước những biến động sâu sắc, việc chuyển dịch trọng tâm đào tạo dựa trên Thang đo tư duy Bloom cải biên không còn dừng lại ở một yêu cầu sư phạm thuần túy, mà đã trở thành một mệnh lệnh sinh tồn đối với nguồn nhân lực trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo (AI). Khi các thuật toán có khả năng xử lý dữ liệu với tốc độ vượt trội, giáo dục phải định nghĩa lại giá trị cốt lõi của con người để không bị đào thải trong dòng chảy công nghệ.

Nếu các bậc tư duy bậc thấp như Ghi nhớ (Remember) và Hiểu (Understand) vốn là thế mạnh tuyệt đối của các hệ thống lưu trữ và máy học, thì các bậc tư duy bậc cao (HOTS - Higher Order Thinking Skills) chính là "thánh địa" riêng biệt, nơi trí tuệ nhân tạo thể hiện sự ưu việt. Đổi mới giáo dục, vì vậy, phải bút phá khỏi

lối truyền thụ thụ động để hướng tới bậc Phân tích (Analyze). Tại đây, người học không chỉ tiếp nhận thông tin một cách rời rạc mà phải học cách "chê nhỏ" vấn đề, bóc tách các lớp cấu trúc để tìm ra mối liên hệ bản chất giữa các sự vật, hiện tượng. Điều này giúp hình thành một hệ thống tri thức đa chiều thay vì những mảnh ghép kiến thức đơn lẻ.

Tiến xa hơn, bậc Đánh giá (Evaluate) đóng vai trò như một bộ lọc trí tuệ thiết yếu. Trong một "biển" dữ liệu số nhiễu loạn và thực giả lẫn lộn, người học cần được trang bị tư duy phân biệt sắc bén để thẩm định giá trị, kiểm chứng tính xác thực và đưa ra những phán quyết dựa trên các tiêu chuẩn đạo đức và logic chặt chẽ. Đây là kỹ năng mà các hệ thống AI hiện tại vẫn chưa thể thay thế hoàn toàn được sự nhạy bén và thấu cảm của con người.

Cuối cùng, đích đến cao nhất và quan trọng nhất chính là Sáng tạo (Create). Ở cấp độ này, người học thoát khỏi vai trò của một "người tiêu dùng tri thức" đơn thuần để trở thành một "người tạo lập". Bằng cách tổng hợp độc đáo những gì đã học để sản sinh ra các giải pháp mới, sản phẩm mới hoặc các giá trị phi truyền thống, người học khẳng định được bản sắc riêng biệt của mình.

Sự dịch chuyển chiến lược này đã biến đổi hoàn toàn bản chất của quá trình đào tạo: từ việc "lấp đầy một chiếc bình" bằng những kiến thức có sẵn thành việc "thắp sáng một ngọn lửa" tự học và khát khao khám phá. Đó là chìa khóa vàng giúp người học không chỉ tồn tại mà còn làm chủ công nghệ, biến AI thành công cụ hỗ trợ đắc lực thay vì trở thành đối tượng bị thay thế trong tương lai.

2.2. Nội dung đổi mới: Mô hình học tập tích hợp (Blended Learning & AI)

2.2.1. Lớp học đảo ngược (Flipped classroom)

Mô hình Lớp học đảo ngược (Flipped Classroom) 2.0 không chỉ đơn thuần là một sự thay đổi về trình tự giảng dạy mà đã thực sự trở thành "trái tim" của cuộc cách mạng giáo dục đại học trong kỷ nguyên số. Điểm cốt lõi của sự đổi mới này nằm ở việc giải phóng giảng viên khỏi những giờ thuyết giảng lý thuyết suông vốn ít tính tương tác, để tập trung tối đa nguồn lực vào việc phát triển tư duy cho người học.

Trong giai đoạn trước giờ lên lớp, quy trình tự học được tối ưu hóa thông qua hệ thống quản lý học tập (LMS) hiện đại; tại đây, sinh viên không phải đối mặt với những khối kiến thức khổng lồ mà tiếp cận qua các video bài giảng ngắn (Micro-learning) cô đọng, dễ hấp

thụ. Đặc biệt, sự can thiệp của AI trong việc cá nhân hóa các bài kiểm tra nhanh (Quiz) giúp mỗi sinh viên nhận ra lỗ hổng kiến thức của riêng mình ngay lập tức, từ đó chủ động chuẩn bị tâm thế sẵn sàng trước khi bước vào giảng đường.

Bước vào trong giờ học, không gian lớp học được biến đổi hoàn toàn thành một "xưởng sáng tạo" hoặc "phòng giải quyết vấn đề", nơi 100% quỹ thời gian được dành cho việc tranh luận, thực hành và xử lý các tình huống giả định sát với thực tế. Lúc này, người thầy bước xuống từ bục giảng để đảm nhận vai trò của một "Coach" (Huấn luyện viên) – người không cho câu trả lời sẵn có mà là người quan sát, khơi gợi và dẫn dắt để sinh viên tự tìm ra giải pháp. Cách tiếp cận này xóa bỏ sự thụ động kinh điển, buộc sinh viên phải vận dụng các bậc tư duy cao như phân tích và đánh giá, biến giảng đường thành nơi tôi luyện năng lực thực chiến thay vì chỉ là nơi ghi chép lại những điều đã có trong sách giáo khoa.

2.2.2. Học tập qua dự án (Project – Based Learning – PBL)

Trong xu thế đổi mới giáo dục, việc kết hợp giữa Học tập qua dự án (PBL) và AI trợ lực (AI-Augmented Teaching) đang tạo nên một bộ đôi quyền năng, giúp thu hẹp khoảng cách giữa giảng đường và thực tế. Phương pháp PBL chuyển đổi trọng tâm từ việc học lý thuyết thuần túy sang việc giải quyết các "vấn đề thực" của doanh nghiệp, buộc sinh viên phải dấn thân vào những dự án liên môn phức tạp để hiểu được tính đa chiều của tri thức. Để thực hiện điều này một cách khoa học, phương pháp Tư duy thiết kế (Design Thinking) được áp dụng như một kim chỉ nam, dẫn dắt sinh viên đi từ việc thấu cảm người dùng, xác định vấn đề cho đến thử nghiệm các giải pháp đột phá. Quy trình này không chỉ trang bị kỹ năng chuyên môn mà còn rèn luyện khả năng làm việc nhóm và tư duy thực tiễn cho người học.

Song hành với đó, sự hiện diện của Generative AI trong vai trò trợ lý học tập đã mở ra những khả năng chưa từng có. Thay vì lạm dụng AI như một công cụ sao chép, sinh viên được hướng dẫn kỹ thuật Kỹ nghệ câu lệnh (Prompt Engineering) để tương tác sâu với hệ thống, biến AI thành một "đồng tác tư duy" giúp mô phỏng các tình huống giả định phức tạp hoặc phản biện lại các lập luận cá nhân. Lúc này, giảng viên đóng vai trò là người định hướng đạo đức và phương pháp, giúp người học hiểu rằng AI chỉ là đòn bẩy để tư duy sâu hơn, trong khi trí tuệ và bản lĩnh của con người mới là yếu tố quyết định để đưa ra những giải pháp nhân văn và khả

thi. Sự cộng hưởng này biến quá trình đào tạo thành một môi trường giả lập thực tế cao độ, nơi sinh viên được phép sai và thử sai liên tục để trưởng thành.

2.2.3. Ứng dụng AI làm trợ lý học tập (AI Augmented Teaching)

Việc ứng dụng AI dưới vai trò trợ lý học tập (AI-Augmented Teaching) không đơn thuần là một sự bổ sung công cụ kỹ thuật, mà đánh dấu một cuộc cách mạng về tư duy: bước chuyển mình từ giáo dục truyền thống sang hệ sinh thái giáo dục trợ lực công nghệ. Trong mô hình này, Trí tuệ nhân tạo không còn hiện thân như một "đối thủ" đe dọa thay thế vai trò con người, mà trở thành một cộng sự chiến lược (Co-pilot) đắc lực cho cả giảng viên và sinh viên. Sự hiện diện của AI xóa bỏ những giới hạn về không gian và thời gian trong việc tiếp cận tri thức, tạo ra một môi trường học tập tương tác đa chiều và cá nhân hóa ở mức độ cao.

Thay vì chỉ coi AI là một "siêu công cụ" tìm kiếm thông tin theo lối mòn của Google, giảng viên hiện đại cần khai thác triệt để sức mạnh của AI tạo sinh (Generative AI) để tái cấu trúc kịch bản sư phạm. Sức mạnh này cho phép thiết lập nên những không gian học tập giả định vô cùng sống động: từ việc mô phỏng các biến số phức tạp trong quản trị rủi ro, dự báo kinh tế, cho đến việc tái hiện các cuộc tranh biện lịch sử hay các tình huống đối thoại đạo đức mang tính phản biện cao. Ở đó, AI đóng vai trò là một thực thể phản biện, đưa ra các góc nhìn đối lập để thử thách lập luận của sinh viên, buộc các em phải bảo vệ quan điểm hoặc điều chỉnh tư duy một cách linh hoạt.

Điểm mấu chốt, cũng là giá trị cốt lõi của mô hình này, không nằm ở kết quả cuối cùng hay những câu trả lời "có sẵn" mà AI cung cấp. Giá trị thực sự nằm ở quá trình tương tác giữa người và máy, nơi giảng viên đóng vai trò là người dẫn dắt sinh viên làm chủ Kỹ nghệ câu lệnh (Prompt Engineering). Đây không chỉ là một kỹ năng kỹ thuật mà là một hình thái mới của tư duy logic và ngôn ngữ. Để có được một câu trả lời chất lượng từ AI, sinh viên buộc phải thực hiện một quy trình tư duy nghiêm túc: xác định mục tiêu rõ ràng, phân tích bối cảnh cụ thể, sử dụng từ ngữ chính xác và biết cách hiệu chỉnh các yêu cầu dựa trên phản hồi của máy.

Chính quy trình này là "liều thuốc" hữu hiệu để triệt tiêu tư duy lười biếng và thói quen sao chép bài vở thụ động. Khi sinh viên học cách điều khiển AI phục vụ cho mục đích nghiên cứu, họ đang thực hiện một bài tập về tư duy hệ thống và phân tích đa chiều. AI lúc này trở thành một "đồng tác phản biện" không mệt mỏi, luôn

sẵn sàng đặt ngược vấn đề, từ đó thúc đẩy người học không ngừng rèn luyện kỹ năng tổng hợp thông tin và khả năng giải quyết vấn đề sáng tạo. Kết quả cuối cùng của quá trình này không chỉ là một bài luận hay một đề án, mà là một cá nhân có đủ bản lĩnh và kỹ năng để làm chủ công nghệ, biến những dòng mã khô khan thành nguồn động lực mạnh mẽ cho sự phát triển trí tuệ trong kỷ nguyên số.

2.3. Đổi mới hệ thống đánh giá

Việc kiên trì đổi mới phương pháp giảng dạy mà bỏ quên sự thay đổi trong cách thức thi cử là một sai lầm mang tính hệ thống, bởi hình thức đánh giá chính là "kim chỉ nam" định hình thái độ và cách thức học tập của sinh viên. Để giải quyết sự lệch pha này, giáo dục hiện đại cần chuyển dịch mạnh mẽ từ đánh giá tổng kết cuối kỳ sang Đánh giá quá trình (Formative Assessment) bằng cách ứng dụng các công cụ thời gian thực như Kahoot hay Mentimeter. Những nền tảng này không chỉ tạo ra không khí học tập sôi nổi mà còn cung cấp dữ liệu tức thời về mức độ tiếp thu của lớp học, cho phép giảng viên điều chỉnh nhịp độ giảng dạy ngay tại chỗ thay vì đợi đến khi kết thúc môn học mới phát hiện ra những lỗ hổng kiến thức của sinh viên.

Song song đó, việc Đánh giá năng lực thực tế cần được ưu tiên hàng đầu thông qua việc thay thế những bài thi viết mang nặng tính học thuộc lòng bằng các sản phẩm cụ thể như dự án thực tế, video thuyết trình sáng tạo, hoặc hồ sơ năng lực số (e-Portfolio). e-Portfolio không chỉ là nơi lưu trữ các sản phẩm học tập mà còn là bằng chứng sống động về sự tiến bộ và hành trình phát triển kỹ năng của sinh viên xuyên suốt quá trình đào tạo, giúp nhà tuyển dụng có cái nhìn đa chiều hơn về ứng viên. Cuối cùng, để hoàn thiện hệ sinh thái đánh giá, phương pháp Đánh giá đồng đẳng (Peer-assessment) cần được tích hợp dưới sự giám sát chặt chẽ của giảng viên. Khi sinh viên tham gia vào quá trình nhận xét và chấm điểm lẫn nhau, họ buộc phải vận dụng tư duy phản biện, học cách nhìn nhận vấn đề từ nhiều góc độ và hiểu rõ hơn về các tiêu chí chất lượng. Sự thay đổi đồng bộ này biến thi cử từ một áp lực mang tính đối phó thành một phần hữu cơ của quá trình học tập, nơi mỗi con điểm đều phản ánh đúng năng lực hành động và bản lĩnh của người học.

2.4. Thách thức và giải pháp triển khai

Trong lộ trình đổi mới giáo dục, việc đối mặt với các rào cản về hạ tầng và tâm lý là bước đi tất yếu nhưng đầy gian nan, đòi hỏi một chiến lược tiếp cận đồng bộ và nhân văn. Thách thức lớn nhất hiện nay không chỉ nằm

ở sự thiếu hụt cục bộ về trang thiết bị công nghệ hay băng thông internet, mà còn ở "vùng an toàn" tâm lý của một bộ phận giảng viên vốn đã quen thuộc với phương pháp truyền thống. Tâm lý ngại thay đổi này thường bắt nguồn từ nỗi lo sợ bị thay thế bởi công nghệ hoặc áp lực khi phải tái cấu trúc toàn bộ bài giảng đã tích lũy nhiều năm. Nếu không được giải tỏa, rào cản tâm lý sẽ tạo ra một lực cản vô hình, làm giảm hiệu quả của mọi nỗ lực đầu tư vào phần cứng hay phần mềm học thuật.

Để hóa giải những thách thức này, giải pháp then chốt phải bắt đầu từ việc bồi dưỡng toàn diện Năng lực số (Digital Literacy) cho đội ngũ giảng viên, giúp họ không chỉ làm chủ công cụ mà còn thấu hiểu tư duy giáo dục trong kỷ nguyên số. Việc đào tạo không nên dừng lại ở những buổi tập huấn kỹ thuật khô khan, mà cần hướng tới việc xây dựng một văn hóa học tập suốt đời ngay trong lòng nhà trường. Ở đó, giảng viên được khuyến khích thử nghiệm, được phép sai sót và được hỗ trợ bởi một cộng đồng chuyên môn năng động. Khi nhà trường tạo ra được một hệ sinh thái nuôi dưỡng sự đổi mới, công nghệ sẽ không còn là gánh nặng mà trở thành người đồng hành quyền năng, giúp người thầy khẳng định lại vị thế của mình như những người tiên phong dẫn dắt thế hệ trẻ bước vào tương lai.

3. Kết luận

Quá trình đổi mới phương pháp dạy học đại học thực chất không phải là một cuộc cách mạng cực đoan nhằm xóa sổ những giá trị truyền thống, mà là một sự chuyển mình tinh tế dựa trên nền tảng kế thừa có chọn lọc và tích hợp công nghệ một cách nhân văn. Những giá trị cốt lõi của giáo dục kinh điển như sự uyên bác của người thầy hay tinh thần học thuật nghiêm túc vẫn cần được duy trì, nhưng chúng phải được đặt trong một "bình diện" mới, nơi công nghệ đóng vai trò là đòn bẩy thay vì là mục đích cuối cùng. Việc đưa AI hay các nền tảng số vào giảng đường không được phép làm nguội lạnh đi sự tương tác giữa người với người; trái lại, công nghệ phải giải phóng giảng viên khỏi những tác vụ lặp lại để họ có thêm thời gian lắng nghe, thấu cảm và truyền cảm hứng cho sinh viên. Đây chính là tính nhân văn trong đổi mới: dùng trí tuệ nhân tạo để làm phong phú thêm trí tuệ con người và dùng kết nối số để thắt chặt hơn những kết nối tâm hồn.

Mục tiêu tối thượng của hành trình đổi mới này vượt xa khỏi việc trang bị kiến thức chuyên môn đơn thuần, mà hướng tới việc nhào nặn nên những thế hệ con người tự chủ với tư duy độc lập và bản lĩnh. Trong một thế giới đầy biến động, năng lực giải quyết các vấn đề phức tạp

— những bài toán không có đáp án sẵn trong sách giáo khoa — trở thành thước đo quan trọng nhất cho sự thành công của giáo dục đại học. Tuy nhiên, kiến thức và kỹ năng thôi là chưa đủ; điều làm nên sự khác biệt giữa một chuyên gia thực thụ và một cỗ máy thông minh chính là một trái tim nhạy cảm trước thời cuộc. Sinh viên cần được giáo dục để biết trấn trở trước những thách thức chung của nhân loại, biết rung động trước nỗi đau và biết trách nhiệm trước cộng đồng. Chỉ khi hội tụ đủ sự sắc bén của tư duy và chiều sâu của lòng nhân ái, sản phẩm của nền giáo dục đại học đổi mới mới thực sự trở thành những nhân tố tích cực, dẫn dắt xã hội bước vào kỷ nguyên mới một cách bền vững.

Tài liệu tham khảo

1. Phạm Phú (2012), *Giáo dục đại học - Những vấn đề chiến lược và chính sách*, NXB Đại học Quốc gia TP.HCM.
2. Nguyễn Hữu Lộc (Chủ biên - 2021), *Dạy và học tích cực - Các phương pháp và kỹ thuật dạy học hiện đại*, NXB Đại học Quốc gia TP.HCM.
3. Nguyễn Thành Nam & các cộng sự (2023), *Ứng dụng Trí tuệ nhân tạo trong Giáo dục*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Tạp chí Giáo dục*, các bài báo về "Dạy học đại học theo định hướng phát triển năng lực", "Ứng dụng mô hình lớp học đảo ngược".
5. Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, các nghiên cứu về "Năng lực số của giảng viên" và "Đánh giá kết quả học tập trong kỷ nguyên số".